

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 27-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Am, ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình L, sinh ngày 06/10/1987 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Tiến Th (đã chết) và bà Lê Thị L1; Có vợ Trần Thị D và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà Dung có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Trần Hồ Trung T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố 01, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Bùi Văn Kh, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn TL, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Kh có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Y H Byă, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Buôn H, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Y H có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Huỳnh Phước Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn 04, xã KJ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn 04, xã KJ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2021, vợ chồng Nguyễn Đình L, Trần Thị D nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Y Vir Byă, bà H Meo Niê đối với diện tích 258,9m² tại thửa 588, Tờ bản đồ 34 tọa lạc tại buôn Đắk, xã Cư M'ta, huyện M'Đrăk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CV 671002 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/10/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (CN VPĐKĐĐ) huyện M'Đrăk xác nhận ngày 19/10/2021. Ngày 19/10/2021 vợ chồng Lương đã thế chấp GCNQSDĐ này tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đông Đắk Lắk- Phòng giao dịch M'Đrăk để vay tiền. Ngày 21/8/2023, vợ chồng Lương ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Huỳnh Phước Đ, bà Nguyễn Thị H (để trả nợ cho Ngân hàng và trừ tiền vay nợ bà H), đã được CN VPĐKĐĐ huyện M'Đrăk xác nhận ngày 28/8/2023.

Khoảng tháng 04/2022, L thuê một người đàn ông (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, thông qua ứng dụng Zalo) làm giả GCNQSDĐ số CV 671002 đối với thửa đất nêu trên với giá 3.500.000 đồng, mục đích L làm GCNQSDĐ giả để cho vợ tin tưởng việc mua bán đất đang thuận lợi i, đồng thời cho vợ ký các giấy tờ liên quan khi buôn bán đất. L đã xóa hết thông tin liên quan đến người nhận làm giả nên L không còn nhớ tên tài khoản và đường link để kết bạn với tài khoản Zalo này. L nhận được gi ấy GCNQSDĐ giả nói trên qua dịch vụ chuyển phát nhanh, với 3.520.000 đồng (gồm tiền thuê làm giả GCNQSDĐ đất và tiền phí giao hàng). GCNQSDĐ là giả có nội dung: Số CV 671002 đề ngày 20/4/2022, Nguyễn Đình L và Trần Thị D sở hữu thửa đất 588, tờ bản đồ 34 có diện tích 258,9m² tại tọa lạc tại buôn Đắk, xã CưMta, huyện M'Đrăk, có hình dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk hình chữ ký của ông Vũ Nam Th.

Ngày 02/3/2023, do cần tiền trả lãi ngân hàng và các khoản nợ đến hạn, Lương vay của bà Nguyễn Thị Thanh B 280.000.000đồng (lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày tương ứng 29%/năm). Hai bên thỏa thuận viết giấy vay mượn tiền và L đưa GCNQSDĐ số CV 671002 cho bà Bình giữ làm tin (cho bà Bình yên tâm tin tưởng mình có tài sản). Ngày 12/7/2023, L vay thêm của bà B 70.000.000đồng. Ngày 18/7/2023, L hỏi vay thêm của bà B 650.000.000đồng và tiếp tục đảm bảo bằng GCNQSDĐ nói trên. Bà B chỉ đồng ý cho vay tiếp nếu L làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất theo GCNQSDĐ mà L đã đưa cho bà B. Hai bên thỏa thuận thống nhất cộng gộp cả khoản vay cũ với khoản vay mới và làm hợp đồng chuyển nhượng

với giá trị 1.000.000.000đồng (bao gồm: khoản vay trước đó 350.000.000đồng; bà Bình nhờ ông Trần Hồ Trung T1 chuyển vào khoản cho L 530.000.000đồng; bà B chuyển khoản 40.000.000đồng vào tài khoản của L; số tiền còn lại 80.000.000đồng giao sau khi chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Hợp đồng chuyển nhượng này là một hình thức bảo đảm cho khoản vay giữa L và bà B, trong thời hạn 01 tháng nếu L không trả được số nợ trên bà B có quyền đưa hồ sơ đến CN VPĐKĐĐ huyện M'Đrăk làm thủ tục chuyển nhượng để khấu trừ vào số tiền Lương đã vay của bà B.

Ngày 19/7/2023, L cùng bà B đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã C để chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bà D bận việc nên không trực tiếp đến UBND xã C để ký vào hợp đồng chuyển nhượng. L đề nghị ông Y H Byă (công chức tư pháp xã C) cho L đưa hồ sơ về nhà để bà D ký. Sau đó, ông Y H soạn thảo văn bản chứng thực hợp đồng chuyển nhượng trình ông Bùi Văn Khang, Phó Chủ tịch UBND xã C ký xác nhận. Khi chứng thực xong hợp đồng chuyển nhượng, bà B giao cho L 80.000.000đồng còn lại (gồm 20.000.000đồng tiền mặt và chuyển khoản 60.000.000đồng).

Ngày 14/8/2023, L đề nghị chuyển nhượng một trong các thửa đất mà vợ chồng L đang sở hữu có giá trị tương đương với số tiền vợ chồng L vay bà B để trừ nợ và xin huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo GCNQSDĐ đã ký nói trên nhưng bà B không đồng ý. Bà B yêu cầu vợ chồng L phải trả bằng tiền mặt đúng hạn nhưng L không có tiền mặt để trả theo đúng thời hạn thoả thuận. L tiếp tục xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất khác để trừ nợ.

Sau nhiều lần đòi nợ L không được, ngày 19/9/2023, bà B nộp hồ sơ chuyển nhượng thửa đất nói trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo thủ tục hành chính UBND huyện M'Đrăk để làm thủ tục chuyển nhượng. Quá trình rà soát và kiểm tra hồ sơ, CN VPĐKĐĐ huyện M'Đrăk phát hiện số thửa đất ở phần thông tin thửa đất tại trang 2 không trùng khớp với số liệu hình thể ở trang 3, thửa đất số 588 đã được vợ chồng Lương chuyển nhượng cho ông Huỳnh Phước Đ và bà Nguyễn Thị H vào ngày 28/8/2023. Ngày 06/10/2023, CN VPĐKĐĐ chuyển toàn bộ hồ sơ kèm GCNQSDĐ số CV 671002 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, L đã trả cho bà B số tiền 170.000.000đồng. Ngày 10/12/2023 vợ chồng L đã thoả thuận bán thửa đất số 303, tờ bản đồ số 16, diện tích 175,5 m² tại tổ dân phố 06, thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk được cấp GCNQSDĐ số CU321992 của vợ chồng L cho bà B để trừ nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi mà vợ chồng L còn nợ của bà Bình là 860.000.000đồng đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng nêu trên thì bà Bình đồng ý. Hai bên đã lập hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng.

* Tại Bản kết luận giám định số 1273/KL - KTHS ngày 27/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT số CV 671002, mang tên Nguyễn Đình L và Trần Thị D (ký hiệu A1), là giả.

*Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 15/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo Nguyễn Đình L về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự (BLHS).

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình Lương và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Lương phạm tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 341 BLHS và điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

* Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng tháng 4/2022, thông qua mạng xã hội Zalo, bị cáo cung cấp thông tin cho một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đình L và Trần Thị D số CV 671002 đề ngày 20/4/2022 có nội dung Nguyễn Đình L và Trần Thị D sở hữu thửa đất 588, Tờ bản đồ 34 có diện tích 258,9m² tại tọa lạc tại buôn Đăk, xã CuMta, huyện M’Đrăk, có hình dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk hình chữ ký của ông Vũ Nam Th với giá 3.500.000 đồng. Sau đó L sử dụng giấy tờ làm giả nêu trên, tạo cho người khác có niềm tin bị cáo có tài sản để dễ dàng vay tiền. Bị cáo đã sử dụng giấy tờ giả trên để vay của bà Bình tổng cộng 1.000.000.000đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại quy định tại Khoản 1 Điều 341 BLHS. Vì vậy Viện

kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ.

Tại Khoản 1 Điều 341BLHS quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”

[2.2] Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về quản lý tài liệu. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là phạm pháp, nhưng vì cần vay tiền nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi sử dụng GCNQSDĐ giả mục đích làm tin để vay tiền. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố của bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

[2.4] Về án phí: Bị cáo bị HĐXX buộc tội, nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341 và điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Đình L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Thông báo kháng cáo:

- Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- CQĐT Công an huyện M'Đrắk;
- Cơ quan THAHS CA huyện M'Đrắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Văn phòng;
- Văn thư, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Hải